

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/DS-ST
Ngày: 13 – 8 - 2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huỳnh Bảo và ông Lê Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 78/2024/TLST-DS ngày 08/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 03/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-DS ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: 2 H, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trương Thị Thu T – chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP S Chi nhánh P1 (Giấy uỷ quyền số 115/2024/GUQ-CNPY ngày 19/4/2024). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Trần Công P, sinh năm 1972. Địa chỉ: 4 T (Nay là đường B), Phường F, Thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Trương Thị Thu T đại diện trình bày: Ngày 07/11/2022, ông Trần Công P có ký với Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2377720 ngày 07/11/2022- số tài khoản thẻ 3768002465, loại thẻ Visa Platinum Cashback. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục

đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông P không trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 05/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn với nợ gốc quá hạn là 111.395.827 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, gửi thông báo khởi kiện nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông P phải trả nợ số tiền gốc 111.395.827 đồng nêu trên và còn phải trả số tiền lãi phát sinh từ sau ngày 05/01/2024 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi ông P trả dứt nợ vay.

*Bị đơn ông Trần Công P vắng mặt nên không có trình bày:

*Biên bản xác minh ngày 17/6/2024 tại Công an P2, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định ông Trần Công P có đăng ký thường trú tại địa chỉ 4 T, Phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện nay, ông P vắng mặt tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ tại địa chỉ thường trú của bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn Trần Công P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Trần Công P phải trả số tiền 141.947.309 đồng trong đó nợ gốc là 111.395.827 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.551.482 đồng tạm tính đến ngày 13/8/2024. Ông P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Trần Công P vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 100, 103 Luật Tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Công P phải trả số nợ gốc là 111.395.827 đồng và lãi tính đến ngày 13/8/2024 là 30.551.482 đồng và bị đơn Trần Công P phải chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả nợ xong. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn Trần Công P được xác định là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn Trần Công P có địa chỉ thường trú tại 4 T, Phường F, thành phố T, Phú Yên nên Tòa án nhân dân

thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Đức Thạch D là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng ủy quyền cho bà Huỳnh Trần Hoàng N – chức vụ: Quyền giám đốc Chi nhánh P1 theo quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023. Ngày 19/4/2024, bà N ủy quyền lại cho bà Trương Thị Thu T là nhân viên Ngân hàng theo giấy ủy quyền số 115/2024/GUQ-CNPY, do đó thủ tục ủy quyền là đúng quy định pháp luật.

[3] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn Trần Công P theo nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 07/11/2022, bị đơn Phan có địa chỉ thường trú tại 4 T, Phường F, thành phố T, Phú Yên. Kết quả xác minh tại Công an P2, thành phố T, tỉnh Phú Yên có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 4 T, Phường F, thành phố T, Phú Yên nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. TAND thành phố Tuy Hòa tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn Phan vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn cung cấp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 07/11/2022 ký kết giữa Ngân hàng và ông P thể hiện nội dung ông P lựa chọn thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời gian bắt đầu từ 08/11/2022. Ông P đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành và tiến hành các giao dịch với tổng số tiền là 603.233.757 đồng và thanh toán cho Ngân hàng số tiền 525.941.000 đồng (Tính đến ngày 05/10/2023) thứ tự thanh toán áp dụng Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/01/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ông P còn nợ Ngân hàng là 111.395.827 đồng nên ngân hàng yêu cầu ông P phải thanh toán là phù hợp với quy định Điều 20, 21, 22 và Điều 23, Khoản 4 Điều 26 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Bị đơn Trần Công P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Công P phải trả số nợ gốc 111.395.827 đồng (Một trăm mười một triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng) cho nguyên đơn.

[6] Nguyên đơn yêu cầu ông P phải thanh toán lãi quá hạn tính từ sau ngày 05/01/2024 cho đến khi trả nợ xong. Xét ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên nên ngoài việc có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì còn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại khoản 27 Điều 1, Điều 2, Điều 22, Điều 23, điểm b, khoản 4 Điều 26 của Điều

khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

[7] Như vậy, lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng (2,77%/tháng x 150%) theo Quyết định số 3248/2022/QĐ-TT ngày 23/12/2023 của Ngân hàng TMCP S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T1 phát hành tại Việt Nam. Số tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc 111.395.827 đồng ông P phải trả từ ngày 06/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2024 là 30.551.482 đồng. Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà ông P phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2024 là 141.947.309 đồng.

[8] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Công P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

[9] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Trần Công P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 7, 8, 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Buộc bị đơn Trần Công P phải trả cho nguyên đơn số tiền 141.947.309 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm lẻ chín đồng*) trong đó nợ gốc là 111.395.827 đồng (*Một trăm mười một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng*), nợ lãi là 30.551.482 đồng (*Ba mươi triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Công P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

Về án phí: Bị đơn Trần Công P phải chịu 7.097.365 đồng (*Bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 3.092.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002468 ngày 07/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hoà;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên